

## MỘT SỐ NÉT CHÍNH VỀ CTCP CHỨNG KHOÁN FPT

Ngày 05/01/2017, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) đã cấp Quyết định Niêm yết số **03/QĐ-SGDHCM** cho phép Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT niêm yết cổ phiếu trên HOSE. Ngày 13/01/2017, Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT sẽ chính thức giao dịch với mã chứng khoán là **FPTS**. Để giúp quý độc giả có thêm thông tin, SGDCCK TPHCM xin giới thiệu một số nét chính về lịch sử thành lập, quá trình hoạt động, những kết quả kinh doanh đáng chú ý của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT trong thời gian qua.

Tên gọi: **Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT**

Tên Tiếng anh: **FPT Securities Joint Stock Company**

Tên viết tắt: **FPTS**

Trụ sở chính: Tầng 2, Tòa nhà 71 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (04) 3773 7070

Fax: (04) 3773 9058

Website: [www.fpts.com.vn](http://www.fpts.com.vn)

Công ty Cổ Phần Chứng khoán FPT được cấp phép thành lập và hoạt động theo giấy phép số 59/UBCK-GP ngày 13 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam chấp thuận điều chỉnh Giấy phép qua các lần: Giấy phép điều chỉnh số 90/UBCK-GPĐCCTCK ngày 04 tháng 12 năm 2007; Giấy phép điều chỉnh số 127/UBCK-GP ngày 09 tháng 05 năm 2008; Giấy phép điều chỉnh số 26/UBCK-GP ngày 13 tháng 4 năm 2011; Giấy phép điều chỉnh số 94/GPĐC-UBCK ngày 18 tháng 06 năm 2012; Giấy phép điều chỉnh số 31/GPĐC-UBCK ngày 23 tháng 06 năm 2015; Giấy phép điều chỉnh số 16/GPĐC-UBCK ngày 8 tháng 6 năm 2016.

Vốn Điều lệ: **903.437.270.000 VNĐ** (*Chín trăm lẻ ba tỷ bốn trăm ba mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng*)

### Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

- 13/07/2007** Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT được cấp phép thành lập và hoạt động theo giấy phép số 59/UBCK-GP của UBCKNN
- 24/10/2007** Theo quyết định số 58/QĐ-UBCK của UBCKNN, Công ty được chấp thuận về việc lập chi nhánh Hồ Chí Minh, tại Tòa nhà Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, Q1, TP HCM

- 04/12/2007** Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép số 90/UBCK-GPĐCCTCK điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động số 59/UBCK-GP. Theo đó vốn điều lệ mới của công ty là 440 tỷ đồng
- 09/05/2008** Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép số 127/UBCK-GP bổ sung nghiệp vụ Bảo lãnh phát hành
- 09/06/2008** Công ty được chấp thuận thành lập chi nhánh Đà Nẵng, tại Số 09 Nguyễn Văn Linh, Phường Nam Dương, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng theo quyết định số 392/QĐ-UBCK
- 13/04/2011** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ra Quyết định số 26/UBCK-GP cấp điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động với nội dung tăng vốn điều lệ từ 440.000.000.000 đồng lên 550.000.000.000 VNĐ
- 18/06/2012** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ra Quyết định số 94/UBCK-GP cấp điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động với nội dung tăng vốn điều lệ từ 550.000.000.000 đồng lên 733.323.900.000 VNĐ
- 30/12/2013** Hoàn thành mua trụ sở chi nhánh FPT S TP Đà Nẵng và FPT S TP Hồ Chí Minh. Ngày 30/12/2013, theo CV chấp thuận số 930/QĐ-UBCK, chi nhánh FPT S Đà Nẵng chuyển trụ sở sang địa chỉ mới tại 100 Quang Trung, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Đà Nẵng.
- 02/04/2014** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ra Quyết định số 258/QĐ-UBCK chấp thuận việc thay đổi địa chỉ Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
- 23/06/2015** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ra Quyết định số 31/GPĐC-UBCK điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động với nội dung tăng vốn điều lệ từ 733.323.900.000 đồng lên 806.648.700.000 VNĐ
- 08/06/2016** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ra Quyết định số 16/GPĐC-UBCK điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động với nội dung tăng vốn điều lệ từ 806.648.700.000 đồng lên 903.437.270.000 VNĐ

## 1. Quá trình tăng vốn điều lệ Công ty:

Từ khi thành lập dưới hình thức công ty cổ phần đến nay (Giấy phép thành lập và hoạt động số 59/UBCK-GP ngày 13 tháng 7 năm 2007), Công ty đã thực hiện 5 lần tăng vốn:

+ Đợt 1 từ 200 tỷ đồng lên 440 tỷ đồng trong tháng 11 năm 2007 bằng hình thức phát hành cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên.

+ Đợt 2 từ 440 tỷ đồng lên 550 tỷ đồng trong tháng 04 năm 2011 bằng hình thức phát hành riêng lẻ cho Công ty TNHH Chứng khoán SBI (Nhật Bản).

+ Đợt 3 từ 550 tỷ đồng lên 733,3239 tỷ đồng trong tháng 05 năm 2012 bằng hình thức tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

+ Đợt 4 từ 733,3239 tỷ đồng lên 806,6487 tỷ đồng trong tháng 05 năm 2015 bằng hình thức tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

+ Đợt 5 từ 806,6487 tỷ đồng lên 903,43727 tỷ đồng trong tháng 05 năm 2016 bằng hình thức tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

## 2. Phạm vi và lĩnh vực hoạt động của Công ty

Môi giới chứng khoán; Hoạt động tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Lưu ký và quản lý cổ đông.Sản xuất.

## 3. Cơ cấu tổ chức:

Công ty không có Công ty mẹ và Công ty con, không có công ty mà công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, không có công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty

## 4. Cơ cấu cổ đông của Công ty

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông (người)	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>1.838</b>	<b>72.174.038</b>	<b>721.740.380.000</b>	<b>79,89</b>
1	Cổ đông tổ chức	08	24.374.260	243.742.600.000	26,98
2	Cổ đông cá nhân	1.830	47.799.778	477.997.780.000	52,91
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>07</b>	<b>18.169.689</b>	<b>181.696.890.000</b>	<b>20,11</b>
1	Cổ đông tổ chức	01	18.069.331	180.693.310.000	20,00
2	Cổ đông cá nhân	06	100.358	1.003.580.000	0,11
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.845</b>	<b>90.343.727</b>	<b>903.437.270.000</b>	<b>100</b>

## 5. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm các mảng chính như sau:

- Các dịch vụ trực tuyến dành cho nhà đầu tư;
- Các dịch vụ dành cho doanh nghiệp: Tư vấn Quản trị doanh nghiệp, Tư vấn Hoàn thiện doanh nghiệp, Dịch vụ Ngân hàng đầu tư, Tư vấn khác (Niêm yết, Cổ phần hóa, Đăng ký công ty đại chúng, v.v...);

## 6. Doanh thu, chi phí của Công ty qua các năm

### Doanh thu:

Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		9 tháng/năm 2016	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	98.211	38,48%	78.866	30,35%	65.817	32,13%
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn (*)	2.771	1,09%	15.828	6,09%	0	0%
Lãi từ các tài sản tài chính FVTPL (*)	0	0%	0	0%	14.683	7,17%
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu (*)	0	0%	0	0%	104.382	50,95%
Doanh thu hoạt động tư vấn	7.946	3,11%	15.544	5,98%	9.691	4,73%
Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán	4.473	1,75%	5.233	2,01%	4.840	2,36%
Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	20	0,01%	178	0,07%	158	0,08%
Doanh thu hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	0	0%	0	0%	120	0,06%
Doanh thu khác(*)	141.797	55,56%	144.223	55,50%	60	0,03%
Doanh thu từ hoạt động tài chính(*)	0	0%	0	0%	5.111	2,49%

<b>Tổng cộng doanh thu thuần</b>	<b>255.217</b>	<b>100%</b>	<b>259.872</b>	<b>100%</b>	<b>204.862</b>	<b>100%</b>
----------------------------------	----------------	-------------	----------------	-------------	----------------	-------------

**Chi phí sản xuất kinh doanh:**

Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		9 tháng/năm 2016	
	Giá trị (triệu đồng)	%/DTT	Giá trị (triệu đồng)	%/DTT	Giá trị (triệu đồng)	%/DTT
Chi phí hoạt động kinh doanh	48.863	19,15%	56.100	21,59%	41.685	20,35%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	33.362	13,07%	38.847	14,95%	25.744	12,57%
Chi phí tài chính *	0	0%	0	0%	199	0,10%
Chi phí khác	14.579	5,71%	11.941	4,59%	9.079	4,43%
<b>Tổng cộng</b>	<b>96.805</b>	<b>37,93%</b>	<b>106.888</b>	<b>41,13%</b>	<b>76.707</b>	<b>37,44%</b>

**10. Trình độ công nghệ:**

Với chủ trương đầu tư tập trung và khai thác tối đa các ưu thế về công nghệ, FPTS đã xây dựng thành công hệ thống công nghệ thông tin đạt tiêu chuẩn quốc tế.

Với các thiết bị hiện đại, kỹ thuật tiên tiến, hệ thống giao dịch của FPTS có thể phục vụ được số lượng rất lớn khách hàng với tốc độ cao mọi lúc, mọi nơi tại sàn giao dịch cũng như qua điện thoại hay Internet.

Các phần mềm phục vụ giao dịch chứng khoán được lựa chọn để đáp ứng yêu cầu hiện tại và tương lai theo tiêu chuẩn quốc tế, đang được sử dụng rộng rãi tại các quốc gia có thị trường chứng khoán rất phát triển như Úc, Anh, Hong Kong, Ấn Độ, Malaysia, Singapore, v.v...

Các trang web của FPTS được chứng thực bởi tổ chức có uy tín trên thế giới với giao thức bảo mật SSL, đảm bảo an toàn về dữ liệu truy cập và dữ liệu trên đường truyền.

Các giao dịch từ xa qua Internet, qua điện thoại được bảo mật bằng thiết bị xác thực người dùng – Token Card của hãng RSA.

## 11. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng/giảm	9 tháng/năm 2016
Tổng giá trị tài sản	2.166.368.547.6 80	2.095.923.714. 693	- 3,25%	1.564.805.477.29 5
Vốn chủ sở hữu	1.258.806.016.8 67	1.340.346.937. 848	6,48%	1.397.899.961.53 6
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh và tài chính	255.217.071.41 7	259.871.809.81 3	1,82%	204.861.823.370
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và tài chính	172.991.746.03 3	164.924.623.01 7	- 4,66%	137.233.374.236
Lợi nhuận khác	299.593.105	- 362.093.246	-220,86%	371.820.820
Lợi nhuận trước thuế	173.291.339.13 8	164.562.529.77 1	- 5,04%	137.605.195.056
Lợi nhuận sau thuế	135.571.170.22 4	131.764.233.00 3	- 2,81%	111.061.881.988
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	27,05%	104,07%	284,78%	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân	11,17%	10,14%	- 9,22%	8,11%

## 12. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành :

Trong năm 2015, về thị phần môi giới cổ phiếu và chứng chỉ quỹ, Công ty luôn nằm trong Top 10 tại cả 2 Sở Giao dịch HOSE và HNX. Theo đó, thị phần môi giới năm 2015 tại Sở Giao dịch HOSE và HNX lần lượt là 4,03% và 4,059%. Trong 03 quý đầu năm 2016, Công ty có 02 quý nằm trong Top 10 thị phần môi giới tại cả 2 Sở Giao dịch HOSE và HNX.

Về các hoạt động khác như tư vấn, lưu ký, v.v..., Công ty đã đạt được những kết quả khả quan so với các doanh nghiệp có quy mô vốn hoạt động tương đương và doanh nghiệp top đầu trong ngành như Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI), Công ty cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HCM), Công ty cổ phần Chứng khoán VNDIRECT (VND), Công ty Cổ phần

Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSI), Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVS). Theo định hướng phát triển, Công ty tập trung vào các hoạt động môi giới chứng khoán; tư vấn, v.v.. và không tập trung vào lĩnh vực tự doanh và bảo lãnh phát hành

### 13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2016, 2017

#### ❖ Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015 (triệu đồng)	Năm 2016		Năm 2017		% tăng giảm so với ước thực hiện năm 2016
			Kế hoạch (triệu đồng)	% tăng giảm so với năm 2015	Ước thực hiện (triệu đồng)	Kế hoạch (triệu đồng)	
1	Vốn điều lệ	806.649	903.437	12,00%	903.437	993.781	10,00%
2	Doanh thu thuần	259.872	246.000	-5,34%	260.000	273.000	5,00%
3	Lợi nhuận sau thuế	131.764	132.000	0,18%	135.000	142.000	5,19%
4	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	50,70%	53,66%	2,96%	51,92%	52,01%	0,09%
5	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	16,33%	14,61%	-1,72%	14,94%	14,29%	-0,65%
6	Cổ tức						
	- Tiền mặt	5%	*	-	5%	*	-
	- Cổ phiếu	12%	*	-	10%	*	-

**Ghi chú: (\*)**: Kế hoạch chi trả cổ tức cho năm 2016 và 2017 (nếu có) sẽ được Công ty đệ trình tới các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 và năm 2018. Từ năm 2012 đến nay, Công ty luôn thực hiện chi trả cổ tức tiền mặt và/hoặc cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ ổn định từ 10%-15%.

#### 14. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

- Các chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	DVT	Năm 2014	Năm 2015
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,32	2,69
- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2,32	2,69
<b>Chỉ tiêu về đòn bẩy tài chính</b>			
- Hệ số Nợ/Tổng Tài sản	%	41,89%	36,05%
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	72,10%	56,37%
- Chỉ số đòn bẩy ( Tổng tài sản/ Vốn chủ sở hữu)	Lần	1,72	1,56
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
- Doanh thu thuần/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,21	0,20
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,13	0,12
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	53,12%	50,70%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	11,17%	10,14%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	6,84%	6,18%
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	67,78%	63,46%

- Tỷ lệ an toàn tài chính:

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/ vốn khả dụng tại ngày 31/12/2014	Giá trị rủi ro/ vốn khả dụng tại ngày 31/12/2015	Giá trị rủi ro/ vốn khả dụng tại ngày 30/09/2016
1	Tổng giá trị rủi ro thị	8.052.796.056	7.960.533.402	7.968.150.353



	trường			
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	18.899.023.317	19.060.566.565	10.032.534.671
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000
4	<b>Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)</b>	86.951.819.373	87.021.099.967	78.000.685.024
5	<b>Vốn khả dụng</b>	1.192.021.076.373	1.274.955.709.423	1.325.931.209.480
6	<b>Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng (6=5/4)</b>	1.370,90%	1.465%	1.699,90%

Thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ tài chính quy định các tổ chức kinh doanh chứng khoán phải đảm bảo tỷ lệ vốn khả dụng tối thiểu không thấp hơn 180%. FPTS luôn duy trì tỷ lệ vốn khả dụng ở mức rất cao, an toàn cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

#### **15. Kế hoạch đầu tư, dự án đã được HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua**

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2016 số 01-2016/NQĐHĐCĐ/FPTS ngày 22/03/2016 đã thông qua thực hiện kinh doanh chứng khoán phái sinh.